

## MỘT SỐ THỂ LOẠI ÂM NHẠC TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI TÀY

Trần Quang Hưng  
Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc  
Email: quanghung.vhntvb@gmail.com

**Tóm tắt:** Trong kho tàng âm nhạc dân gian Việt Nam, âm nhạc của người Tày giữ một vị trí quan trọng và đặc sắc. Đây là một trong những dòng âm nhạc dân gian tiêu biểu của khu vực trung du và miền núi phía Bắc, có lịch sử lâu đời và hệ thống thể loại phong phú, đóng góp quan trọng vào sự đa dạng và thống nhất của nền âm nhạc dân tộc nước nhà.

**Từ khóa:** Âm nhạc, Âm nhạc dân tộc, Thể loại âm nhạc, Âm nhạc tiêu biểu của người Tày, Âm nhạc chuyên nghiệp.

## SOME REPRESENTATIVE MUSIC GENRES OF THE TÀY PEOPLE

**Abstract:** Within Vietnam's folk music heritage, Tày music holds an important and distinctive position. It is one of the representative folk music traditions of the Northern midland and mountainous region, with a long history and a rich system of genres, making a significant contribution to both the diversity and unity of the nation's traditional music.

**Keywords:** music; ethnic music; music genres; representative Tày music; professional music.

Nhận bài: 13/01/2026

Phản biện: 09/02/2026

Duyệt đăng: 13/02/2026

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Âm nhạc dân gian của người Tày rất đa dạng, phản ánh đời sống tinh thần và bản sắc văn hóa của cộng đồng. Trong đó, Hát then là thể loại tiêu biểu nhất, gắn với nghi lễ tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa, thường được trình diễn cùng đàn tính, mang giá trị tâm linh và nghệ thuật sâu sắc. Bên cạnh đó, Hát lượn và Hát sli là những hình thức hát giao duyên, đối đáp trữ tình, thể hiện tình cảm nam nữ và đời sống tâm tư của con người. Ngoài ra, Phong slư (Hát gửi thư) là thể loại độc đáo, dùng lời ca để trao gửi tình cảm một cách tinh tế. Các thể loại âm nhạc này góp phần quan trọng trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của người Tày.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Đối với nền âm nhạc cổ truyền dân tộc Tày, bộ phận ca hát chiếm một vị trí hết sức quan trọng và được phân loại như sau:

**Thứ nhất,** phân loại theo nội dung gồm có các thể loại: Ru con, Đồng dao, Giao duyên, Đám cưới - đám ma, Chúc mừng, Kể chuyện, Cúng lễ bói toán.

**Thứ hai,** phân loại theo hình thức diễn xướng, diễn tấu có các thể loại: Hát một mình trong nhà, Hát một mình khi trong nhà, khi ngoài trời. Hát từ hai người hoặc từng nhóm đối đáp trong nhà, Hát không có nhạc khí đệm, Hát có nhạc khí đệm, Nhạc khí đơn tấu, hoà tấu.

Sau đây, chúng tôi đi phân tích khái quát đặc điểm của từng thể loại như sau:

## 2.1. Ru con "Vén Lục"

Cũng giống trong các thể loại dân ca của các dân tộc trên cả nước. Tính chất của các bài ru con

thường có giai điệu nhẹ nhàng, mượt mà. Giai điệu của các bài dân ca thường chỉ ở trong phạm vi một quãng 5 đúng (La – Mi), cùng với những âm thanh khác tạo nên những đường tuyến giai điệu rất uyển chuyển, mềm mại, đó là liên kết với các âm Si - Rê hoặc Đô - Rê tạo thành chuỗi âm trong phạm vi quãng năm như sau: Là - Si - Rê - Mi hoặc Là - Đô - Rê - Mi. Mở đầu những bài Hát ru thường có các câu dạo đầu không lời. Những tiếng đệm trong các bài Hát ru của người Tày thường ngân nga trên nguyên âm "u" hoặc mở đầu bằng câu "éo, éo". Những tiếng đệm này thường được đặt ở đầu bài, giữa bài mà cũng có khi xuất hiện ở cuối bài. Cũng vì thế có nơi ru con, người Tày gọi là "ú noọng", lấy câu dạo đầu của bài ca để trở thành cụm từ ám chỉ một công việc.

Tiết tấu của các bài hát ru của người Tày phần lớn theo lối tự do, tiết nhịp đàn trải, không phân chia tiết phách. Sự nhấn nhá mạnh, nhẹ, có trọng âm trong từng câu hát tương như phân ra tiết phách, nhưng thực ra đó là những lần đẩy chiếc nôi xinh xinh đi, qua đi lại tạo thành những điểm nhấn tạm thời. Còn những người đu con trên lưng thì khi hát ru thì tiết tấu hết sức tự do.

Lời ca của các bài hát ru của người Tày đều dùng thể thơ 5 từ hoặc pha trộn giữa 5 từ và 7 từ. Nội dung của câu hát ru rất mộc mạc, nhưng chan chứa tình cảm của người bà, người mẹ, người chị, lấy những hình tượng quen thuộc, thân thiết trong cuộc sống hàng ngày của người Tày là những con cá, con chuồn, con trâu, con dê, cây đàn, áo hoa... vô cùng sống động, nhiều màu sắc, gọi âm thanh để nhào nặn thành âm điệu triu mến, vỗ về chăm sóc cho đứa trẻ, đưa chúng vào giấc ngủ yên lành.

## 2.2. Đồng dao “Ói mật ói mèeng”

Những bài hát đồng dao của người Tày rất đa dạng và phong phú, đó là những trò “*ói mật, ói mèeng*” nghĩa là “*như kiến, như ong*”. Giai điệu của những bài này vang lên những bước nhảy quãng 4, quãng 5 và phát triển trên ba âm chính là So1 - Đô - Rê. Giai điệu của những bài đồng dao khỏe khoắn, không dàn trải, thể hiện tính thơ ngây, mộc mạc của trẻ thơ. Những bài đồng dao thường được hát tập thể, và được nhấn trọng âm đều đều vào từng từ một, rồi ngân nga vào cuối câu thơ theo thể 5 từ, tạo ra tiết tấu rõ ràng làm cho tính ca hát được nổi bật.

## 2.3. Hát kể chuyện “Phong slư”

Đặc điểm của thể thơ này là sự kể lể, tự sự, chính vì thế khi kể, người Tày thường ngẫu hứng phổ lên những vần thơ đó một làn điệu âm nhạc, tuy không định hình thành một thể loại hát kể chuyện chung cho mọi vùng, song nếu có kể những loại truyện đó bao giờ người kể cũng diễn xướng lên với một âm lượn bắt nguồn từ làn điệu dân ca cổ truyền của nơi mình sinh sống. Có một làn điệu mà người Tày ở rất nhiều địa phương thường dùng để diễn xướng trong kể chuyện đó là “*Phong slư*”

“*Phong slư*” nghĩa đen là “*Bức thư*” được viết theo thể thơ mang nội dung thổ lộ tâm tình yêu đương mà nam nữ thanh niên Tày gửi cho nhau.

Thời trước “*Phong slư*” được viết bằng chữ nôm trên tấm vải chức bâu, xung quanh có những hình con rồng, con phượng, các loại hoa văn, sau này “*Phong slư*” được viết trên giấy khổ rộng xung quanh có trang trí rồng phượng, bướm hoa màu sắc sặc sỡ bằng tiếng Tày phiên âm ra chữ quốc ngữ. Những bức thư được các đôi trai gái gửi cho nhau bằng nhiều cách khác nhau như: Qua những cuộc hò hẹn, qua những cuộc hát lượn giao duyên, qua những cuộc ném còn... Những “*Bức thư tình*” này không đơn giản là những vần thơ nằm yên trên vải, trên giấy, mà người nhận được thư đóng vai trò đặc biệt quan trọng, người nhận được thư đem bức thư của mình ra mà cất giọng lên thành tiếng hát, tiếng lượn, lúc vui mừng, khi da diết nhớ đến người yêu... Có trường hợp “*Phong slư*” được đưa ra diễn xướng cho nhiều người xung quanh cùng nghe, những người nghe “*Phong slư*” cũng suy nghĩ về cái tình nghĩa yêu thương nhau son sắt mà hình tượng nghệ thuật đã khắc họa trong “*Phong slư*” truyền cảm vào tâm hồn họ.

Các nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Bắc trong một số công trình đã thừa nhận: “*Phong slư*” là một loại “*Lượn*”. Trong đó có trích đoạn “*Thoạt*

kỳ thủy thơ và âm nhạc vốn cùng một gốc... có thể nói rằng điệu ca (phần âm nhạc) là linh hồn của thơ ca Tày, thơ và ca gắn bó với nhau rất khăng khít... nhân dân lao động Tày... ngày xưa tự mình làm thơ... rồi tự mình lượn hát... ngày xưa nhân dân Tày làm thơ để “*lượn*” chứ không phải để đọc như ngày nay”. Như vậy khái niệm về hát và thơ của người Tày chỉ là một, nên họ chỉ dùng chung một từ là “*lượn*” để chỉ định hai lĩnh vực này.

Giai điệu của “*Phong slư*” rất đa dạng và phong phú. Tùy từng người, căn cứ vào sự gieo vần của câu thơ và theo sự ngẫu hứng của bản thân mình mà tạo ra đường nét phong phú cho làn điệu của “*Phong slư*”.

## 2.4. Hát đám ma (Hảy phi)

Đây là hình thức hát khóc, một hình thức ca hát đặc biệt thường xuất hiện trong tang lễ của đồng bào dân tộc Tày. Trong các loại ca hát, Hát khóc là một loại hình đặc biệt, diễn ra trong một hoàn cảnh đặc biệt, đó là trong gia đình có tang lễ.

Lễ tang của người Tày được tổ chức rất phức tạp như: làm lễ phá ngục cứu hồn, lễ rửa tội để hồn được lên nát bản, lễ thụ tang, lễ điếm trà dâng rượu cho vong linh, kể lể công đức của bố mẹ bằng các bài văn than, từ *bài thập nguyệt hoài thai đến nhị thập tứ hiếu*, phỏng theo *Thọ mai gia lễ*.

Trong tang lễ, âm nhạc đóng vai trò góp phần làm cho sự tiến hành các nghi thức được hoàn chỉnh, đồng thời chia sẻ nỗi đau thương của gia chủ. Dựa trên một làn điệu hát nói, những người phụ nữ trong gia đình, tộc họ, bà con thân thích của người đã khuất thường ngồi bên cạnh người chết hoặc bên áo quan, Hát khóc bày tỏ lòng thương tiếc của mình đối với người đã khuất. Lời ca của các bài Hát khóc không có gì khác ngoài những lời than khóc người đã qua đời, lời kể lể về công lao, ca ngợi đức độ của người đã khuất và nỗi tiếc thương của bà con, bè bạn, họ hàng... Song, xét dưới góc độ âm nhạc, tính âm nhạc trong các lời kể này đã được nâng cao với các cao độ của âm thanh được tiến hành một cách uyển chuyển, mềm mại hơn nên có thể coi đó là những làn điệu trong một bài hát hơn là những âm thanh tự nhiên của một tiếng khóc. Trong tiếng khóc đó nổi lên những tiếng nức nở theo một lối diễn xướng, người Tày gọi lối hát này là “*hảy phi*”. Giai điệu của những bài hát khóc khá đơn giản, chúng mô phỏng âm điệu những lời than khóc của con người. Có thể nói Hát khóc chính là những lời than khóc của con người được nâng lên thành một loại hình ca hát đặc biệt.

## 2.5. Hát đám cưới (Lượn quan lang)

Đám cưới của người Tày được tổ chức long trọng và gồm nhiều nghi thức, đặc biệt khi đi đón dâu, nhà trai phải cử một đoàn gồm 9 người hoặc 11 người và đặc biệt phải có một người được gọi là “*Quan lang*” dẫn chú rể cùng phù rể đến nhà gái. Để đón được cô dâu về nhà trai, ông “*Quan Lang*” phải trải qua những bước thử thách, đương đầu bằng tài trí của mình, dựa vào kho tàng phong phú, được tích lũy qua bao thế hệ thành những bài thơ và “*lượn*” đám cưới của người Tày gọi là “*Lượn Quan Lang*”, rất phổ biến trong đời sống của đồng bào dân tộc Tày.

Bên cạnh đó nhà gái cũng phải có những bài “*lượn*” để hát đối đáp lại bên nhà trai, có khi trong cuộc lượn này kéo dài suốt một đêm, đây cũng là cơ hội để hai bên nhà trai nhà gái hiểu nhau và thắt chặt tình đoàn kết.

Trong những bài “*lượn*” thường là những bài đã được sáng tác sẵn, theo thể thơ mà ông “*Quan Lang*” tự phổ lên đó một làn điệu âm nhạc, tùy theo địa phương được truyền tụng qua nhiều thế hệ, hình thành những nét giai điệu riêng biệt của từng vùng. Cũng tùy theo khả năng của từng ông “*Quan Lang*” tạo ra âm hưởng khác nhau, nhưng phần nhiều có tính chất ngậm vịnh tự do, tùy hứng, bắt nguồn từ dân ca cổ truyền ở từng địa phương.

Những cuộc “*lượn Quan Lang*” được diễn ra dưới hình thức đối đáp giữa ông “*Quan Lang*” đại diện cho nhà trai với đại diện nhà gái.

Những bài “*lượn Quang Lang*” đã gắn liền với nghi thức đám cưới của người Tày và phản ánh một truyền thống đạo đức của người Tày.

Về âm nhạc, cũng giống như những bài được hát trong các nghi lễ, giai điệu của các bài “*lượn Quan Lang*” không theo một khuôn mẫu nào, thể thơ cũng thường là thể thơ 5 từ hoặc 7 từ. Các mô

típ nhạc thường được nhắc lại nhưng không cân đối. Tiết tấu và tiết nhịp của “*Lượn Quan Lang*” được hình thành trên thể thơ 5 từ hoặc 7 từ và thường được ngưng nghỉ tự do.

## 2.6. Hát giao duyên (Lượn slao báo)

Hát giao duyên “*Lượn slao báo*” chiếm một vị trí hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc Tày nói chung và trong những sinh hoạt âm nhạc nói riêng. Những tư tưởng, tình cảm, ước mơ, hoài bão đã được phản ánh trong các bài hát giao duyên. Xưa kia cứ mỗi khi có khách đến nhà, chủ nhà thường mời nam nữ thanh niên đến “*lượn*” để tỏ lòng hiếu khách. Ngoài những hình thức giao duyên trực tiếp, là những cuộc tổ chức “*lượn*”, ở thanh niên người Tày còn có một hình thức giao duyên gián tiếp nữa đó là gửi “*Phong slư*” cho nhau.

Đặc điểm các cuộc “*lượn*”: Về nội dung chủ yếu trao đổi tâm tình giữa nam và nữ mà những người này phải ở các địa phương khác nhau, không quen biết, hoặc biết sơ qua, từ nơi xa đến bản làng mình. Trong “*lượn slao báo*” ít thấy người cùng bản “*lượn*” với nhau. Cuộc “*lượn*” không bao giờ xuất hiện khi đang lao động sản xuất, ở nơi công cộng... Đây là chỗ đặc biệt khác nhau trong Hát giao duyên của người Tày và Hát giao duyên của các dân tộc anh em khác.

## III. KẾT LUẬN

Có thể khẳng định rằng, các thể loại âm nhạc của người Tày vô cùng phong phú và đa dạng, cả về hình thức diễn xướng lẫn nội dung biểu đạt. Sự phong phú ấy không chỉ thể hiện ở số lượng thể loại mà còn ở chức năng xã hội, giá trị nghệ thuật và khả năng lưu truyền qua nhiều thế hệ. Chính điều này đã làm nên bản sắc riêng, đồng thời góp phần quan trọng vào sự đa dạng và giàu có của kho tàng âm nhạc dân tộc Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Triệu Ân (2000), *Then Tày những khúc hát*, Nxb Văn hóa dân tộc  
 Dương Kim Bôi (1978), *Lời hát Then*, Nxb Việt Bắc  
 Nhiều tác giả (1978), *Mấy vấn đề về Then Việt Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc.  
 Hoàng Tuấn (2000), *Âm nhạc Tày*, Nxb Âm nhạc  
 Lê Văn Lô, Hà Văn Thư (1984), *Văn hóa Tày - Nùng*, Nxb Văn hóa  
 Nguyễn Thị Yên (2006), *Then Tày*, Nxb Khoa học xã hội.